

Số: 20/2020/QĐST-HNGĐ

S, ngày 10 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Lê Thị Kiều L; sinh năm: 1985; cư trú tại: tổ 02 phường M, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Ông Lê Hồng L; sinh năm: 1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3 thôn An Xá, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú hiện nay: tổ 02 phường M, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 01 năm 2020, người yêu cầu là bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L kết hôn từ năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện (Giấy đăng ký kết hôn số 51 quyển số 01/2005 do UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/6/2005). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm

2017 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không hòa giải được. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về tính tình, quan điểm sống nên thường hay cãi vã nhau và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L có 02 con chung là: Lê Tấn Hồng P, sinh ngày 18/4/2006; Lê Duy Nữ Kiều N, sinh ngày 09/10/2010. Ông bà thỏa thuận, giao 02 con chung cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Hồng L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 08330 ngày 26.12.2019. Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 51 quyển số 01/2005 do UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/6/2005).

* Về con chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L có 02 con chung là: Lê Tấn Hồng P, sinh ngày 18/4/2006; Lê Duy Nữ Kiều N, sinh ngày 09/10/2010. Ly hôn ông bà thỏa thuận, giao 02 con chung cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Hồng L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

* Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) Bà Lê Thị Kiều L và ông Lê Hồng L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 08330 ngày 26.12.2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND phường M, quận S,
thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

